

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 760 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 04 tháng 10 năm 2019

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 (tỷ lệ 1/25.000)**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH 13 ngày 18/6/2014; Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Công văn số 144/BXD-QHKT ngày 03/10/2019 của Bộ Xây dựng về việc góp ý đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lạng Giang đến năm 2040;

Xét đề nghị của UBND huyện Lạng Giang tại Tờ trình số 149/TTr-UBND ngày 03/10/2019; Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 323/BC-SXD ngày 04/10/2019,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040, tỷ lệ 1/25.000 (kèm theo hồ sơ bản vẽ và thuyết minh), với các nội dung chính như sau:

### **1. Vị trí và phạm vi nghiên cứu.**

a) Vị trí, phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch:

Phạm vi lập quy hoạch vùng huyện Lạng Giang bao gồm toàn bộ phạm vi địa giới hành chính huyện Lạng Giang; ranh giới nghiên cứu được giới hạn như sau:

- Phía Bắc: Giáp huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- Phía Nam: Giáp thành phố Bắc Giang và huyện Yên Dũng;
- Phía Đông: Giáp huyện Lục Nam;

- Phía Tây: Giáp huyện Tân Yên và Yên Thế.

b) Quy mô:

- Quy mô diện tích nghiên cứu lập quy hoạch khoảng 244 km<sup>2</sup>;

- Dân số hiện trạng toàn huyện năm 2018 khoảng 205.110 người (trong đó: Đô thị là 10.617 người; Nông thôn là 194.493 người; tỷ lệ đô thị hóa là 5,18%), dự báo quy mô dân số đô thị qua các giai đoạn như sau:

+ Đến năm 2030 khoảng: 239.800 người (trong đó: Đô thị là 56.400 người; Nông thôn là 169.900 người; tỷ lệ đô thị hóa khoảng 22-24%);

+ Đến năm 2040 khoảng: 261.000 người (trong đó: Đô thị là 65.000 người; Nông thôn là 182.000 người; tỷ lệ đô thị hóa khoảng 24-26%).

## **2. Tính chất.**

- Là trung tâm chính trị, kinh tế, du lịch, văn hóa, thể dục thể thao, giáo dục đào tạo, dịch vụ thương mại; vùng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp chất lượng cao;

- Là đầu mối giao thông đường bộ của vùng, quốc gia; có vai trò quan trọng về quốc phòng, an ninh.

## **3. Mục tiêu.**

- Cụ thể hóa Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 269/QĐ-TTg ngày 02/3/2015, từ đó đưa ra những dự báo và định hướng chiến lược nhằm phát huy tốt tiềm năng, thế mạnh và những đặc thù của huyện;

- Triển khai thành công đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn huyện Lạng Giang theo Quyết định số 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ;

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 5/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Hoàn thành mục tiêu huyện Lạng Giang đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020;

- Quy hoạch tổ chức không gian đô thị, dân cư nông thôn, nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, du lịch, thể dục thể thao, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; Xác định vùng động lực phát triển kinh tế - xã hội, định hướng phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững;

- Hình thành các trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất cấp huyện gắn với các thị trấn, trung tâm xã, các cụm công nghiệp gắn kết thuận lợi với hệ thống hạ tầng khung, đảm bảo phục vụ cho tiểu vùng trong huyện nhằm phát triển nông nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ gắn với vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn trong tiểu vùng.

#### **4. Dự báo về nhu cầu đất đai.**

- Đất xây dựng đô thị: 1.100-1.300ha năm 2030 và 1.300-1.500ha năm 2040.

- Đất đơn vị ở: Giai đoạn đến năm 2030, diện tích đất đơn vị ở đô thị dự báo cần 184,31ha, bình quân 75m<sup>2</sup>/người; nông thôn dự báo là 2.314ha, bình quân 126m<sup>2</sup>/người. Giai đoạn đến năm 2040, diện tích đất đơn vị ở đô thị là 304,31ha bao gồm đất các khu vực hiện trạng và đất các khu vực đã lập quy hoạch, bình quân 70m<sup>2</sup>/người; nông thôn là khoảng 2.399ha, bình quân 120m<sup>2</sup>/người.

- Đất khu, cụm công nghiệp:

+ Giai đoạn đến 2030: khoảng 700ha đất công nghiệp;

+ Giai đoạn đến 2040: khoảng 800-1.000ha.

#### **5. Định hướng phát triển không gian vùng.**

a) Mô hình cấu trúc phát triển vùng: Không gian vùng huyện Lạng Giang phát triển theo cấu trúc như sau:

- Các trục không gian kinh tế chính: Có 6 trục, bao gồm 3 trục dọc theo hướng Bắc - Nam và 3 trục ngang theo hướng Đông - Tây.

+ Trục dọc Bắc - Nam: Gồm quốc lộ 1A, đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn ở phía Đông, trục dọc phía Tây huyện;

+ Trục ngang Đông - Tây: Gồm QL31, QL37, ĐT295.

- Các điểm hạt nhân đô thị bao gồm:

+ Thị trấn Vôi: Trung tâm kinh tế xã hội, thương mại dịch vụ, công nghiệp - TTCN tiểu vùng trung tâm huyện;

+ Thị trấn Kép: Trung tâm kinh tế xã hội, thương mại dịch vụ tiểu vùng phía Bắc huyện.

+ Đô thị Tân Dĩnh (mới): Trung tâm kinh tế xã hội, thương mại dịch vụ tiểu vùng phía Nam huyện. Đô thị mới, phát triển trên cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật của xã Tân Dĩnh hiện hữu theo quy hoạch chung TP. Bắc Giang.

b) Phân vùng phát triển: Huyện Lạng Giang được xác định phát triển không gian theo 5 tiểu vùng:

- Tiểu vùng kinh tế động lực (trung tâm):

+ Gồm 06 xã, thị trấn khu vực lõi (Thị trấn Vôi - Phi Mô, xã Hương Lạc, Hương Sơn, Yên Mỹ, Tân Hưng, Xương Lâm). Thị trấn Vôi là hạt nhân đô thị (đến năm 2030 phát triển thành đô thị loại IV).

+ Phát triển trung tâm hành chính - chính trị - văn hóa xã hội của huyện; phát triển đô thị, dịch vụ công nghiệp, dịch vụ thương mại; giáo dục đào tạo, chuyển giao công nghệ; phát triển nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp; công nghiệp đa ngành nghề, chế biến nông lâm sản.

- Tiểu vùng nông lâm công nghiệp (phía Bắc):

+ Gồm 06 xã, thị trấn phía Bắc (Thị trấn Kép - Tân Thịnh, xã Quang Thịnh, Nghĩa Hòa, Nghĩa Hưng, An Hà, Đào Mỹ). Thị trấn Kép là hạt nhân đô thị.

+ Phát triển nông nghiệp năng suất cao, áp dụng công nghệ cao, chuyên rau màu và cây công nghiệp. Phát triển công nghiệp đa ngành; công nghiệp gia công, lắp ráp, chế biến các sản phẩm nông lâm nghiệp.

- Tiểu vùng đô thị hóa, thương mại dịch vụ (phía Nam):

+ Gồm 04 xã phía Nam huyện (xã Tân Dĩnh, Xuân Hương, Thái Đào, Đại Lâm). Tân Dĩnh là hạt nhân đô thị (đô thị Tân Dĩnh - dự kiến hình thành đô thị loại V trên cơ sở nâng cấp xã Tân Dĩnh hiện hữu).

+ Phát triển đô thị, thương mại dịch vụ dọc theo các trục giao thông quốc lộ, tỉnh lộ. Phát triển công nghiệp đa ngành, công nghiệp chế biến nông nghiệp, Phát triển nông nghiệp năng suất cao.

- Tiểu vùng chuyên canh nông nghiệp (phía Tây):

+ Gồm 08 xã phía Tây (xã Mỹ Hà, Tiên Lục, Đào Mỹ, An Hà, Hương Lạc, Tân Thanh, Dương Đức, Mỹ Thái).

+ Phát triển nông nghiệp chất lượng cao, cây ăn quả, rau màu, cây công nghiệp. Xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn kết nối với khu vực đô thị và toàn huyện. Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng để đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống, góp phần tạo động lực thúc đẩy sản xuất hàng hóa, thu hút đầu tư công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn.

- Tiểu vùng nông nghiệp, dịch vụ sinh thái (phía Đông):

+ Gồm 04 xã phía Đông (xã Hương Sơn, Xương Lâm, Tân Hưng, Đại Lâm).

+ Ổn định phát triển nông nghiệp. Xây dựng các vùng sinh thái nông nghiệp, du lịch và dịch vụ phục vụ du lịch.

c) Định hướng phân bố không gian phát triển kinh tế:

- Phân bố không gian phát triển công nghiệp: Phát triển công nghiệp huyện với các cụm, khu công nghiệp đa ngành nghề như công nghiệp chế biến nông lâm sản, cơ khí, lắp ráp... với quy mô các khu, cụm công nghiệp theo các giai đoạn như sau:

+ Đến năm 2020: Phát triển các CCN bao gồm CCN Tân Dĩnh - Phi Mô, CCN Vôi - Yên Mỹ, CCN Nghĩa Hòa, CCN Đại Lâm, CCN Non Sáo; CCN Tân Hưng, CCN Hương Sơn (giai đoạn 1).

+ Đến năm 2030, năm 2040: Tiếp tục phát triển các CCN hiện hữu, mở rộng hình thành các KCN, CCN bao gồm CCN Tân Quang Thịnh, CCN Hương Sơn (giai đoạn 2), KCN Nghĩa Hưng.

- Phân bố không gian phát triển nông nghiệp:

Vùng trồng cây ăn quả:

+ Vùng trồng Cam tập trung: Tập trung tại các xã Quang Thịnh, Nghĩa Hòa;

+ Vùng trồng Bưởi tập trung: Tập trung tại các xã Quang Thịnh, Hương Sơn, Tiên Lục, Nghĩa Hòa, Nghĩa Hưng, Đào Mỹ;

+ Vùng trồng Chanh tập trung: Tập trung tại xã Tiên Lục.

Vùng trồng lúa năng suất cao: Tập trung tại các xã Nghĩa Hòa, Nghĩa Hưng, An Hà, Mỹ Thái, Xuân Hương.

Vùng trồng rau sạch: Tập trung tại các xã Mỹ Thái, Xuân Hương.

- Trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông thôn: Toàn huyện có 03 trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông thôn, bao gồm 01 trung tâm tại khu vực thị trấn Vôi mở rộng (thuộc xã Phi Mô hiện nay); 01 trung tâm tại xã Tiên Lục; 01 trung tâm tại Tân Dĩnh.

- Định hướng phát triển:

+ Đến năm 2020: Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung gắn với xây dựng chuỗi giá trị liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Hình thành vùng rau chế biến tập trung ở các xã Quang Thịnh, Tân Thịnh, Hương Sơn, Hương Lạc, Đào Mỹ, Tân Hưng... sản xuất nấm ở Tân Dĩnh, Tiên Lục, Nghĩa Hưng, Mỹ Hà; cây công nghiệp ngắn ngày như lạc, thuốc lá, tập trung ở một số xã như Tân Hưng, Xương Lâm, Đại Lâm, Xuân Hương, Mỹ Thái.

+ Đến năm 2030: Tập trung tái cơ cấu ngành nông nghiệp, định hướng phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung theo hướng nền nông nghiệp sạch, áp dụng công nghệ cao.

+ Đến năm 2040: Tiếp tục phát triển các vùng chuyên canh và nông nghiệp chất lượng cao, tăng năng suất và hiệu quả đất canh tác. Phát triển các vùng sinh thái nông nghiệp phục vụ du lịch trải nghiệm nông nghiệp.

d) Phân bố không gian phát triển du lịch và bảo vệ cảnh quan môi trường:

- Phân bố không gian phát triển du lịch:

+ Đến năm 2020: Bảo tồn, tôn tạo các điểm di tích trên địa bàn huyện;

+ Đến năm 2030: Xây dựng hạ tầng du lịch gắn kết du lịch huyện Lạng Giang. Nâng cấp cải tạo đường từ điểm di tích cây Dã Hương đến các di tích trong cụm di tích xã Tiên Lục. Xây dựng điểm du lịch hồ Hồ Cao và khu Sân golf (tại xã Hương Sơn; diện tích khoảng 400ha), khu du lịch tâm linh, sinh thái tại xã Xương Lâm;

+ Đến năm 2040: Tiếp tục tôn tạo, gìn giữ và nâng cấp các điểm di tích (gồm Làng chiến khu Bùng thuộc xã Tân Thanh; Đình Phù Lão gắn liền với Vườn cò sinh thái thuộc xã Đào Mỹ; Điệu hát Then gắn với đền Chí Miu và đền bà Chúa Then, gắn với thành Cồn Trạm thuộc xã Hương Sơn; Làng Violon thôn Then xã Thái Đào; Tượng đài chiến thắng, thị trấn Kép; Đền thờ Đặng Thế Công, thôn Tân xã Tân Thịnh), hoàn thiện các kết nối các điểm du lịch trên địa bàn huyện tạo thành tuyến du lịch kết nối với du lịch của tỉnh; Mở rộng và phát triển các loại hình du lịch hiện nay và du lịch cộng đồng, du lịch làng nghề, vùng sinh thái nông nghiệp trên địa bàn huyện.

- Xác định các vùng bảo vệ cảnh quan tự nhiên:

+ Vùng cảnh quan không gian mở: Vùng cảnh quan sông nước, hồ đập (sông Thương, hồ Hồ Cao, kênh đào thủy nông Kè Sơn...) phục vụ cấp nước, thoát nước, phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phát triển du lịch sinh thái; Vùng cảnh quan sinh thái các khu di tích, vùng lâm nghiệp rừng trồng.

+ Vùng hạn chế, cấm xây dựng: Hạn chế xây dựng trong khu vực rừng đặc dụng; các khu đất an ninh quốc phòng, khu vực phòng thủ.

e) Phân bố các không gian phát triển hệ thống hạ tầng xã hội:

- Hệ thống trụ sở cơ quan:

+ Đến năm 2020: Cải tạo, nâng cấp hệ thống các công trình trụ sở cơ quan hành chính trên địa bàn huyện. Hoàn thiện xây dựng Nhà liên cơ quan huyện; trụ sở xã Tân Dĩnh và xã Mỹ Thái.

+ Đến năm 2030: Mở rộng và hoàn thành trụ sở Nhà liên cơ quan huyện theo quy hoạch chi tiết 1/500 đã được duyệt. Xây dựng 2 trụ sở mới của thị trấn Vôi và thị trấn Kép mở rộng. Hoàn thành việc di chuyển xây mới trụ sở xã Xuân Hương, xã Tiên Lục. Quy hoạch mới trụ sở xã Hương Sơn. Chính trang cải tạo trụ sở các xã tại vị trí hiện trạng.

+ Đến năm 2040: Tiếp tục nâng cấp cải tạo trụ sở cơ quan hành chính của các đô thị và trụ sở các xã, đáp ứng yêu cầu phát triển của toàn huyện.

- Hệ thống thương mại dịch vụ:

+ Đến năm 2020: Xây dựng, cải tạo hệ thống chợ các xã, đáp ứng tiêu chí nông thôn mới;

+ Đến năm 2030: Cải tạo nâng cấp chợ Vôi hiện trạng, chợ Tân Thịnh, chợ An Hà. Mở rộng chợ Triền, chợ Bằng. Xây dựng trung tâm thương mại, siêu thị tại thị trấn Vôi, Kép, đô thị Tân Dĩnh; chợ đầu mối. Xây dựng trung tâm thu hút kêu gọi các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư xây dựng các trung tâm thương mại, dịch vụ trên địa bàn toàn huyện;

+ Đến năm 2040: Hoàn thiện hệ thống thương mại dịch vụ tại các xã và thị trấn.

- Hệ thống y tế:

+ Đến năm 2020: 100% số trạm y tế của các xã trên địa bàn huyện đạt chuẩn quốc gia, đáp ứng tiêu chí nông thôn mới. Do vậy, không đầu tư xây dựng công trình ở giai đoạn này, chỉ đầu tư trang thiết bị nâng cao chất lượng phục vụ cho các trạm y tế;

+ Đến năm 2030: Nâng cấp cải tạo trung tâm y tế huyện với quy mô 250 giường. Cải tạo nâng cấp trạm y tế tại các thị trấn, các xã (5-7 giường/trạm).

+ Đến năm 2040: Tăng tỷ lệ giường bệnh của các cơ sở y tế trên địa bàn huyện. Hoàn thiện hệ thống y tế từ tuyến huyện đến tuyến xã trên địa bàn huyện Lạng Giang. Nâng cấp cải tạo trung tâm y tế huyện với quy mô 300 giường. Cải

tạo nâng cấp trạm y tế tại các thị trấn, xã. Đầu tư và nâng cấp trang thiết bị hiện đại và đầy đủ cho các cơ sở y tế.

- Hệ thống giáo dục:

+ Đến năm 2020: Hoàn thiện theo tiêu chí nông thôn mới với tất cả trường học các cấp trên địa bàn huyện Lạng Giang;

+ Đến năm 2030: Dự kiến xây dựng thêm 01 trường THPT tại thị trấn Vôi, quy mô 1,5ha, phía Nam đường BT với hình thức kêu gọi đầu tư xã hội hóa. Bố trí quỹ đất dự trữ xây dựng các trường cao đẳng, trung cấp và trung tâm hướng nghiệp ở phía Tây thị trấn Vôi với quy mô khoảng 12ha; Tăng cường cơ sở vật chất cho các trường học đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển chất lượng dạy học theo tiêu chuẩn chung;

+ Đến năm 2040: Tiếp tục xây dựng hệ thống giáo dục đào tạo phát triển cân đối, đồng bộ và đủ mạnh để đảm bảo quyền và nghĩa vụ học tập của người dân.

- Hệ thống công trình văn hóa, thể dục thể thao:

+ Đến năm 2020: Hoàn thiện hệ thống công trình văn hóa, thể dục thể thao các xã của huyện Lạng Giang theo tiêu chí nông thôn mới. 100% xã, thôn có nhà văn hóa;

+ Đến năm 2030: Cải tạo nâng cấp, hoàn thiện trung tâm văn hóa, thể dục thể thao của huyện Lạng Giang với đầy đủ các công trình chức năng. Cải tạo nâng cấp, xây dựng mới các nhà văn hóa cộng đồng, đảm bảo 100% tổng số thôn, khu dân cư có nhà văn hóa cộng đồng, đáp ứng các nhu cầu phục vụ của khu ở;

+ Đến năm 2040: Hoàn thiện hệ thống văn hóa, thể dục thể thao từ huyện đến xã.

## **6. Định hướng tổ chức không gian đô thị và điểm dân cư nông thôn:**

a) Định hướng không gian phát triển đô thị:

- Hệ thống đô thị:

+ Đến năm 2020: Cải tạo, chỉnh trang các đô thị hiện hữu;

+ Đến năm 2030: Cải tạo, mở rộng, nâng cấp 02 thị trấn Vôi, Kép hiện hữu, hình thành 01 đô thị mới Tân Dĩnh đáp ứng tiêu chuẩn đô thị loại V và nâng loại thị trấn Vôi thành đô thị loại IV;

+ Đến năm 2040: Huyện Lạng Giang có 03 đô thị là thị trấn Vôi, thị trấn Kép và đô thị Tân Dĩnh.

- Khu vực đô thị hóa: Hình thành các đô thị và khu vực đô thị hóa giai đoạn đến năm 2020, 2030: Gồm các xã: Phi Mô sáp nhập vào thị trấn Vôi, Tân Thịnh sáp nhập vào thị trấn Kép; xã Tân Dĩnh dự kiến nâng cấp lên đô thị và các xã Yên Mỹ, Tân Hưng, Xương Lâm, Hương Sơn thuộc Đồ án quy hoạch thị trấn Vôi và thị trấn Kép mở rộng.

- Định hướng tổ chức hệ thống khu dân cư nông thôn:

+ Đến năm 2020: Hoàn thiện các tiêu chí huyện nông thôn mới. Cải tạo nâng cấp các khu dân cư hiện hữu. Quy hoạch và phát triển các khu dân cư mới gắn kết với các khu dân cư hiện hữu tạo thành các khu ở tập trung khai thác hiệu quả cơ sở hạ tầng kỹ thuật.

+ Đến năm 2030: Cải tạo nâng cấp các khu dân cư hiện hữu. Đầu tư xây dựng các khu dân cư mới gắn kết với các khu dân cư hiện hữu tạo thành các khu ở tập trung để khai thác hiệu quả hệ thống hạ tầng cơ sở. Phát triển các loại hình nhà ở nông thôn gắn với sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, nhà ở nông thôn gắn với du lịch sinh thái, gắn với các vùng chuyên canh... phù hợp với nhu cầu về nhà ở và phát triển kinh tế hộ gia đình.

+ Đến năm 2040: Hoàn thiện xây dựng các khu dân cư mới gắn kết với các khu dân cư hiện có. Hoàn thiện hệ thống trung tâm khu ở phục vụ các sinh hoạt của cộng đồng dân cư.

## **7. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật.**

a) Định hướng quy hoạch phát triển hệ thống giao thông:

- Quy hoạch hệ thống đường bộ:

+ Đường cao tốc, quốc lộ:

Cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn: Giai đoạn 2019 - 2030, xây dựng quy mô 4 - 6 làn xe, giai đoạn 1 đầu tư 2 làn xe; Giai đoạn 2031 - 2040, hoàn thành đầu tư cao tốc 4 - 6 làn xe;

Quốc lộ 1: Giai đoạn 2019 - 2040, duy trì đường cấp II;

Quốc lộ 31: Giai đoạn 2019 - 2030, nâng cấp đoạn qua địa bàn huyện đạt cấp III, mặt đường bê tông nhựa; Giai đoạn 2031 - 2040 duy trì đường cấp III;

Quốc Lộ 37: Giai đoạn 2019 - 2030, nâng cấp tuyến qua địa bàn huyện đạt cấp III, mặt đường bê tông nhựa; Giai đoạn 2031 - 2040 duy trì đường cấp III;

Đường vành đai V thủ đô Hà Nội: Giai đoạn đến 2019- 2030, xây dựng nền đường dự trữ 4 làn xe, mặt đường cấp III, 2 làn xe; Giai đoạn 2031- 2040, xây dựng tuyến đạt 4 làn xe.

+ Đường tỉnh hiện hữu:

Đường tỉnh 295: Giai đoạn đến 2019 - 2030, nâng cấp tuyến đạt tiêu chuẩn cấp IV; Giai đoạn 2031 - 2040, nâng cấp đảm bảo toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp III, kết cấu mặt đường bê tông nhựa;

Đường tỉnh 295B: Giai đoạn đến 2019 - 2030, nâng cấp tuyến đạt tiêu chuẩn cấp III, kết cấu mặt đường bê tông nhựa; Giai đoạn 2031 - 2040, nâng cấp tuyến đạt tiêu chuẩn cấp II, kết cấu mặt đường bê tông nhựa;

Đường tỉnh 292: Giai đoạn 2019 - 2030, nâng cấp tuyến đạt cấp III đồng bằng, mặt đường bê tông nhựa; Giai đoạn 2031 - 2040, duy trì tuyến đạt cấp III, mặt đường bê tông nhựa.

+ Đường tỉnh quy hoạch mới:



Tuyến Thái Đào - Bến Tuần: Giai đoạn 2019 - 2030, nâng cấp tuyến đạt tiêu chuẩn cấp IV, kết cấu mặt đường bê tông nhựa; Giai đoạn 2031 - 2040, nâng cấp tuyến đạt tiêu chuẩn cấp III, kết cấu mặt đường bê tông nhựa, dự kiến nâng cấp thành đường tỉnh;

Đường huyện Đại Lâm - An Hà: Giai đoạn 2019 - 2030, nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn cấp IV, mặt đường BTXM; Giai đoạn 2031 - 2040, duy trì đường cấp IV, dự kiến nâng cấp thành đường tỉnh.

+ Đường Huyện hiện hữu:

Tuyến Hương Sơn - Kép: Giai đoạn 2019 - 2030, nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp V. Xây dựng lại cầu Việt Hương, cầu Chí Miu; Giai đoạn 2031 - 2040, nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, mặt đường bê tông nhựa;

Tuyến Nghĩa Hưng - Tiên Lục: Giai đoạn 2019 - 2030, mở mới các đoạn tuyến đi tránh khu tập trung dân cư của thôn Bến Phà xã Nghĩa Hưng, thôn Nùa Quán và đoạn song song với kênh Tây thuộc xã Đào Mỹ đạt cấp III, mặt đường bê tông nhựa. Nâng cấp các đoạn tuyến còn lại đạt tiêu chuẩn đường cấp III, mặt đường bê tông nhựa; Giai đoạn 2031 - 2040, cải tạo, duy trì toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp III, mặt đường bê tông nhựa;

Tuyến Quang Thịnh - Đào Mỹ: Giai đoạn 2019 - 2030, nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp V; Giai đoạn 2031 - 2040, nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, mặt đường bê tông nhựa;

Tuyến Đông Sơn - Mía (Nghĩa Hưng): Giai đoạn 2019 - 2030, nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp IV; Giai đoạn 2031 - 2040, cải tạo, duy trì toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, mặt đường bê tông nhựa.

+ Đường Huyện quy hoạch mới:

Tuyến kết nối Nghĩa Hưng - Tiên Lục - Dương Đức: Giai đoạn 2019 - 2030, xây dựng mới tuyến đạt cấp III, mặt đường nhựa; Giai đoạn 2031 - 2040, duy trì đường cấp III;

Tuyến Tân Thanh - Vôi - Phi Mô - Mỹ Thái - Xuân Hương: Giai đoạn 2019 - 2030, xây mới toàn tuyến 10,7 km đạt tiêu chuẩn cấp III, mặt bê tông nhựa; Giai đoạn 2031 - 2040, duy trì đường cấp III;

Tuyến kết nối Vôi - Xương Lâm: Giai đoạn 2019 - 2030, xây mới toàn tuyến với quy mô đường cấp III, mặt đường bê tông nhựa; Giai đoạn 2031 - 2040, duy trì đường cấp III;

Tuyến kết nối CCN Hương Sơn - CCN Nghĩa Hòa: Giai đoạn 2019 - 2030, nâng cấp tuyến tối thiểu đạt loại III; Giai đoạn 2031 - 2040, duy trì đường cấp III;

Tuyến Nghĩa Hưng - Quang Thịnh: Giai đoạn 2019 - 2030, xây mới toàn tuyến đạt tiêu chuẩn cấp IV, mặt bê tông láng nhựa; Giai đoạn 2031 - 2040, duy trì đường cấp IV;

Tuyến Tân Thịnh - Xuân Hương: Giai đoạn 2019 - 2030, xây mới toàn tuyến đạt tiêu chuẩn cấp IV, mặt bê tông láng nhựa; Giai đoạn 2031 - 2040, duy trì đường cấp IV;

Tuyến ĐT295 - Cụm công nghiệp Phi Mô - Tân Dĩnh: Giai đoạn 2019 - 2030, xây dựng mới toàn tuyến theo tiêu chuẩn đường đô thị và đường cấp IV; Giai đoạn 2031 - 2040, duy trì đường cấp IV.

+ Hệ thống đường xã, đường thôn xóm và trục chính nội đồng:

Các tuyến đường trục xã, liên xã: Đến năm 2030, nâng cấp cải tạo 100% đường xã đạt tối thiểu loại A - GTNT, các tuyến đường trục xã đạt tiêu chuẩn cấp IV; Đến năm 2040, duy trì đường cấp IV;

Trục chính nội đồng: Đến năm 2030, đạt từ 35% - 50%, đến năm 2040, đạt từ 50% - 80% đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện phục vụ các hoạt động sản xuất và thu hoạch sản phẩm nông nghiệp.

- Quy hoạch phát triển giao thông đường thủy:

+ Tuyến sông Thương quy hoạch đạt cấp III, chiều rộng luồng >40m, chiều sâu mớn nước (từ đáy tàu, thuyền đến mặt nước) trên 2,8m. Trong đó đoạn từ Bồ Hạ đến Từ Mạn xã Xuân Hương dài 25km nằm trên ranh giới của huyện Lạng Giang;

+ Quy hoạch, cải tạo 04 bến khách ngang sông là: Bến Mon, bến Phúc Mãn, bến Than, bến Đồng.

+ Bến bãi VLXD: Tuân thủ theo quy hoạch chuyên ngành có liên quan, các dự án được UBND tỉnh chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư.

- Quy hoạch phát triển giao thông đường sắt: Thực hiện theo Quyết định số 1468/QĐ-TTg ngày 24/8/2015 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt "Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn 2030". Tuyến Hà Nội - Đồng Đăng qua huyện Lạng Giang khoảng 20,1km; tuyến Kép - Hạ Long khoảng 8km.

b) Định hướng phát triển chuẩn bị kỹ thuật:

- Định hướng cao độ nền:

+ Thị trấn Vôi: lựa chọn cao độ xây dựng không chế HXD $\geq$ 9,0m;

+ Thị trấn Kép: lựa chọn cao độ xây dựng không chế HXD $\geq$ 16,0m;

+ Đô thị Tân Dĩnh (dự kiến): lựa chọn cao độ xây dựng không chế HXD $\geq$ 6,0m;

+ Khu, cụm công nghiệp tập trung chọn cao độ nền xây dựng đảm bảo không bị ngập lụt với tần suất P>1%.

- Giải pháp san nền:

+ Khu vực cải tạo xây dựng (mật độ cao):

Đọc các trục đường QL37, QL1A, ĐT295B, ĐT292, các tuyến đường nội thị của thị trấn Vôi, thị trấn Kép, đường các khu, cụm công nghiệp, đường liên thôn,... bám theo cao độ nền đường và cao độ nền xây dựng hiện có của các công trình đảm bảo khớp nối hạ tầng kỹ thuật lân cận; Khu vực xây dựng xen kẽ: Một số lõi trũng của các ô phố thuộc khu vực đã xây dựng mật độ còn thưa thớt, sẽ tôn nền để tránh ngập úng và hài hòa với khu vực đã xây dựng.

- Khu vực phát triển xây dựng mới: Quỹ đất xây dựng được tôn nền trên khu vực ao, ruộng canh tác, khe tụ thủy, khi thi công xây dựng phải khảo sát kỹ địa chất để có giải pháp nền móng công trình. Khi xây dựng phát triển trên vùng này cần tôn nền hài hòa với khu vực xây dựng hiện có.

- Đối với các khu vực xây dựng trên sườn đồi núi: Tận dụng tối đa địa hình tự nhiên, chỉ san ủi cục bộ tạo mặt bằng xây dựng công trình. Có giải pháp kê gia cố nền móng công trình, nền đường giao thông. Bố trí mương hồ đón nước mưa từ trên núi xuống để bảo đảm an toàn cho công trình.

- Định hướng thoát nước mưa:

+ Lưu vực thoát nước mưa: Toàn bộ huyện Lạng Giang thuộc trong lưu vực thoát nước vùng Cầu Sơn - Cẩm Sơn. Do đặc thù địa hình phức tạp, huyện chia thành các vùng đồng bằng và vùng đồi gò. Vùng đồng bằng chia cắt bởi tuyến QL 1A, hướng thoát nước phụ thuộc vào địa hình tự nhiên, hình thành 02 lưu vực thoát nước:

Lưu vực 1: Phía Tây QL1A diện tích khoảng 14.300ha thoát ra sông Thương;

Lưu vực 2: Phía Đông QL1A diện tích khoảng 10.100ha thoát ra sông Thương;

+ Giải pháp thoát nước mưa:

Tiến tới toàn bộ các đô thị và điểm dân cư tập trung đều xây dựng hệ thống thoát nước mưa:

Đô thị loại IV (đô thị Vôi): sử dụng hệ thống thoát riêng;

Các đô thị loại V (đô thị Kép, đô thị hình thành mới): có thể sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng;

Các điểm dân cư nông thôn sử dụng hệ thống thoát nước chung.

c) Định hướng phát triển hệ thống cấp nước:

- Các thị trấn Vôi, thị trấn Kép và các xã Yên Mỹ, xã An Hà, xã Tân Dĩnh: Trước mắt, sử dụng nước sạch từ các nhà máy (trạm) cấp nước hiện có, bổ sung nhu cầu sử dụng nước từ nhà máy cấp nước DNP Bắc Giang.

+ Nhà máy cấp nước sinh hoạt Vôi - Yên Mỹ, công suất 4.000m<sup>3</sup>/ngđ, cấp nước cho thị trấn Vôi, xã Yên Mỹ;

+ Trạm cấp nước sinh hoạt Đồng Tâm, công suất 620m<sup>3</sup>/ngđ, cấp nước cho thị trấn Kép;

+ Trạm cấp nước sinh hoạt Dĩnh Lục, công suất 1.680m<sup>3</sup>/ngđ., cấp nước cho xã Tân Dĩnh;

+ Trạm cấp nước sinh hoạt An Hà, công suất 490m<sup>3</sup>/ngđ, cấp nước cho xã An Hà.

- Các xã Hương Sơn, Quang Thịnh, Nghĩa Hòa, Nghĩa Hưng, Hương Lạc, Tiên Lục, Dương Đức, Xuân Hương, Mỹ Thái, Tân Hưng, Xương Lâm, Đào Mỹ, Mỹ Hà, Đại Lâm, Tân Thanh, Thái Đào: Sử dụng nước sạch từ nhà máy nước sạch DNP Bắc Giang.

- Các xã Phi Mô (thuộc thị trấn Vôi mở rộng) và xã Tân Thịnh (thuộc thị trấn Kép mở rộng): Sử dụng nước sạch từ nhà máy nước sạch DNP Bắc Giang.

- Cấp nước cho sản xuất công nghiệp: Các nhà máy sản xuất, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung được cấp nước từ hệ thống cấp nước sạch DNP Bắc Giang.

d) Định hướng phát triển hệ thống cấp điện:

- Nguồn điện: Toàn huyện tiếp tục sử dụng điện từ 02 nguồn là Trạm 110(35)22KV Đồi Cốc - 2x63 MVA và Trạm Lạng Giang 110/(35)22kV - 2x40 MVA;

- Xây dựng mới 02 trạm 110kV mới: Trạm 110KV Nghĩa Hưng công suất 2x40MVA, cấp điện áp 110/35/22kV đặt tại xã Nghĩa Hưng; Xây dựng mới Trạm 110KV Lạng Giang 2 , công suất 2x40MVA, cấp điện áp 110/35/22kV.

- Lưới điện:

+ Đường dây mạch kép rẽ trạm 110kV Lạng Giang (rẽ nhánh trên đường dây 110kV Bắc Giang - XM Đồng Bành);

+ Đường dây Đồi Cốc - Lạng Giang, dây dẫn AC-185; đường dây mạch kép 2xAC-300;

+ Chuyển đầu nối đường dây 110kV Đồi Cốc - Lạng Giang - XM Đồng Bành thành 2 đường dây Đồi Cốc - Lạng Giang và Bắc Giang - XM Đồng Bành;

+ Đường dây mạch kép rẽ trạm 110kV Nghĩa Hưng (rẽ nhánh trên đường dây 110kV Lạng Giang - Cầu Gò), dây dẫn AC-240;

+ Lưới trung áp sẽ từng bước cải tạo về cấp điện áp 22kV phù hợp với mật độ phụ tải và đảm bảo tiêu chuẩn của ngành điện.

e) Định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- Nước thải sinh hoạt đô thị: Nước thải sinh hoạt của đô thị phải được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường QCVN 14:2008/BTNMT, TCVN 7222-2002 trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Xây dựng các trạm xử lý nước thải tập trung cho đô thị Vôi và đô thị Kép, ưu tiên phương pháp làm sạch nước thải bằng các hồ sinh học tự nhiên.

- Nước thải sinh hoạt và sản xuất khu vực nông thôn: Đảm bảo tuân thủ theo quy định QCVN 7-2: 2016; Quy chuẩn 62-MT:2016/BTNMT của Bộ

Tài nguyên và Môi trường về nước thải chăn nuôi. Khuyến khích các hộ dân sử dụng xí tự hoại và xí hợp vệ sinh. Tại các khu vực thuận lợi về diện tích đất, kết hợp xử lý nước thải với nuôi cá, tưới vườn (hệ sinh thái VAC). Khu vực trang trại chăn nuôi gia súc tập trung: Sử dụng hầm biogas để xử lý phân, nước thải, đồng thời tận dụng khí đốt cho sinh hoạt.

- Nước thải sản xuất công nghiệp: Nước thải công nghiệp từ các xí nghiệp công nghiệp phải được xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT trước khi xả ra hệ thống thoát nước đô thị hoặc nguồn tiếp nhận. Hệ thống thoát nước trong các khu công nghiệp tập trung là hệ thống thoát nước riêng, có trạm xử lý nước thải cho từng khu, cụm công nghiệp.

- Định hướng quản lý chất thải rắn: Tại các xã, quy hoạch các điểm tập kết, trung chuyển CTR sinh hoạt và sản xuất trên cơ sở các khu xử lý CTR sinh hoạt hiện nay. CTR nguy hại phát sinh trong sản xuất nông nghiệp (bao bì đựng hóa chất bảo vệ thực vật) được thu gom và xử lý theo quy trình xử lý CTR nguy hại.

- Định hướng quản lý nghĩa trang: Thị trấn Vôi, thị trấn Kép quy hoạch các nghĩa trang tập trung riêng cho từng đô thị, đóng cửa các nghĩa trang đã lấp đầy và các nghĩa địa có quy mô nhỏ lẻ. Các xã nông thôn tiếp tục an táng tại các nghĩa trang ở các thôn, từng bước đóng cửa các nghĩa địa nhỏ lẻ và tiến tới quy hoạch mỗi xã có từ 1 đến 2 nghĩa trang tập trung. Nghĩa trang quy hoạch mới và mở rộng được tuân thủ Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt Quy hoạch nghĩa trang vùng tỉnh Bắc Giang đến năm 2030. Công tác quản lý nghĩa trang tuân thủ theo quy định tại Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch, xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

## **8. Định hướng bảo vệ môi trường:**

a) Phân vùng bảo vệ môi trường: Phân vùng bảo vệ môi trường của khu vực phát triển đô thị; khu vực nông thôn; khu vực phát triển công nghiệp; khu vực phát triển văn hóa, du lịch; khu vực nông nghiệp; khu vực đất lâm nghiệp.

b) Quy định về môi trường đối với từng khu vực:

- Khu cụm công nghiệp, diện tích cây xanh được bố trí trong từng cơ sở công nghiệp với diện tích lớn, tạo khoảng cách ly vệ sinh với khu dân cư;

- Khu vực xây dựng nghĩa trang tập trung, khu vực xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn phải đảm bảo khoảng cách ly vệ sinh môi trường;

- Hệ thống xử lý nước thải: vùng đệm khu xử lý nước thải sẽ xây dựng hàng rào quanh công trình, trồng cây xanh với chiều rộng 10m.

## **9. Các dự án ưu tiên đầu tư:**

Ưu tiên các dự án hạ tầng khung diện rộng, các công trình đầu mối đảm bảo kết nối các khu vực phát triển đô thị và nông thôn; Ưu tiên các dự án đầu tư phát triển cho khu vực đô thị giữ vai trò chủ chốt (TT Vôi, TT Kép) khu vực các xã có KCN, CCN, khu di tích lịch sử... để làm động lực phát triển kinh tế của

huyện; Ưu tiên các dự án phục vụ mục tiêu về đích huyện nông thôn mới, dự án để nâng loại đô thị Vôi đạt loại IV (bao gồm các dự án khắc phục các tiêu chí chưa đạt điểm và các tiêu chí chưa đạt điểm tối đa nhưng có khả thi đạt tối đa trong giai đoạn đầu). Các dự án chỉnh trang, nâng cấp công trình hạ tầng xã hội (công trình công cộng, công viên, cây xanh...) nhằm xây dựng kết cấu hạ tầng văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục và đào tạo...

**Điều 2.** UBND huyện Lạng Giang có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải, Sở Nội vụ; Chủ tịch UBND huyện Lạng Giang và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

*Nơi nhận:* 

- Như Điều 3;
- Lưu VT, XD.Trung.

*Bản điện tử:*

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TH, XD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Đại Thanh Sơn